

Số: 11/2023/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:



“3. “*Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ*” là tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ, dữ liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (bao gồm mã nguồn và dữ liệu) và các tài liệu khác (nếu có)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ký kết, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao ký hợp đồng hoặc giao chủ trì ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhiệm vụ cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 Thông tư này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tên và một số điểm, khoản Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 12 như sau:

“Điều 12. Hồ sơ và phương thức đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 như sau:

“b) 01 bản Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ có xác nhận hợp pháp của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) 01 bản Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản dữ liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (bao gồm mã nguồn và dữ liệu) và các tài liệu khác (nếu có).

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Bản sao Biên bản họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có): đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có);”;



đ) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Phương thức đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đối với hồ sơ đăng ký trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính: tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền về đăng ký theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền về đăng ký theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.”

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo Mẫu 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký thông báo tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và các báo cáo, tài liệu liên quan khác (nếu có).”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Văn bản xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phương thức đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 3a Điều 12 Thông tư này.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều

này, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước, thông tin kết quả phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 Thông tư này.”;

b) Bổ sung khoản 2a như sau:

“2a) Phương thức đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 3a Điều 12 Thông tư này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, tổng hợp và công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình và của cơ quan chủ quản.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm xử lý, cập nhật thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định và công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoàn thành trên trang thông tin điện tử của mình và của cơ quan chủ quản.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cập nhật, công bố nội dung thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này của nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm xử lý và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; tổng hợp và công bố báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình và cơ quan chủ quản; Tổng hợp số liệu về số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng trong năm theo Mẫu 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi báo cáo về cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ và về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

10. Sửa đổi Điều 27 như sau:

“Điều 27. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân không thực hiện đăng ký thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ, không thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định sẽ bị xử lý theo các quy định có liên quan.”.

11. Thay thế Mẫu 1, Mẫu 5, Mẫu 9 và Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN bằng Mẫu 1, Mẫu 5, Mẫu 9 và Mẫu 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Bãi bỏ khoản 8 Điều 7, khoản 3 Điều 8, Điều 9, khoản 1 và khoản 4 Điều 10, khoản 2, 3, 4 và 7 Điều 12, khoản 6 Điều 13, Điều 17, khoản 3 Điều 21, khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 24 Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN; Mẫu 13 và Mẫu 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Thông tư này quy định về việc xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”.

2. Bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. “*Dữ liệu chủ của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ*” là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh, mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi, độc lập; được sử dụng liên tục và nhất quán trong các tương tác, kết nối và chia sẻ trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

- a) Cơ sở dữ liệu về tổ chức khoa học và công nghệ;
- b) Cơ sở dữ liệu về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- c) Cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- d) Cơ sở dữ liệu về công bố khoa học và chỉ số trích dẫn khoa học;
- đ) Cơ sở dữ liệu về thống kê khoa học và công nghệ;
- e) Cơ sở dữ liệu về công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ;
- g) Cơ sở dữ liệu về thông tin về khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới;
- h) Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- i) Cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp;
- k) Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

2. Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ là nguồn thông tin chính thức phục vụ quản lý, điều hành, hoạch định chính sách về khoa học và công nghệ của quốc gia, bộ, ngành và địa phương, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Dữ liệu được chia sẻ, sử dụng cho nhiều bộ, ngành và địa phương phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

3. Dữ liệu chứa thông tin về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là dữ liệu chủ của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

4. Dữ liệu đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được thu thập và cập nhật từ các tài liệu, dữ liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ký duyệt, xác nhận theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung tên và bổ sung khoản 2a Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ”;

b) Bổ sung khoản 2a sau Khoản 2 như sau:

“2a. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được kết nối và chia sẻ với các hệ thống thông tin khác phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

5. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. An toàn, an ninh thông tin mạng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và các quy định hiện hành về an toàn, an ninh thông tin.

2. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cần đạt cấp độ 3 trở lên, tiêu chí xác định cấp độ 3 trong bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được tuân thủ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các văn bản hướng dẫn.

3. Bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, sẵn sàng trong quá trình lưu trữ, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu. Áp dụng kỹ thuật mã hóa dữ liệu, thiết lập mật mã, ứng dụng chữ ký số và các cơ chế sao lưu dự phòng, ngăn chặn, kiểm soát mã độc tấn công dữ liệu.

4. Bảo đảm bảo mật thông tin dữ liệu trong hoạt động chuyên đổi số và lưu trữ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

5. Bảo mật thông tin tài khoản được cấp trong quá trình sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Khi có dấu hiệu mất an toàn, an ninh cần liên hệ với đơn vị quản lý trực tiếp để được hướng dẫn xử lý, khắc phục.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp

1. Cơ sở dữ liệu sở hữu công nghiệp bao gồm các thông tin đã được công bố nêu dưới đây, được tập hợp một cách chọn lọc, có hệ thống, phù hợp với mục đích tra cứu:

a) Các đơn đăng ký sở hữu công nghiệp;

b) Các văn bằng bảo hộ đã được cấp và các quyền sở hữu công nghiệp đã được thừa nhận bảo hộ tại Việt Nam.

2. Cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp được xây dựng, quản trị, vận hành và phát triển tại Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ thông qua phương thức kết nối trực tuyến trên môi trường mạng.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 17 như sau:

a) Bổ sung các điểm đ, e, g và h tại khoản 1 như sau:

“đ) Thông tin danh mục chuẩn đo lường quốc gia được phê duyệt và danh sách tổ chức được chỉ định giữ chuẩn đo lường quốc gia;

e) Thông tin về tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký, được chỉ định tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

g) Thông tin tổ chức đã được tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm;

h) Thông tin chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn, tổ chức đào tạo, tổ

chức đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn đo lường chất lượng được xây dựng, quản trị, vận hành và phát triển tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ và được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ thông qua phương thức trực tuyến trên môi trường mạng.”.

8. Sửa đổi, bổ sung tên Chương III như sau:

“Chương III

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ”.

9. Bổ sung Điều 18a và Điều 18b sau Điều 18 như sau:

“18a. Kết nối, chia sẻ và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được kết nối và chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương thông qua phương thức trực tiếp và trực tuyến trên môi trường mạng.

2. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có cơ sở dữ liệu liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, việc cập nhật thông tin được tiến hành tự động thông qua tài khoản được cấp.

3. Dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chia sẻ theo hình thức mặc định. Các dữ liệu còn lại có thể chia sẻ theo hình thức mặc định hoặc theo yêu cầu đặc thù.

4. Bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ và thống nhất theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BKHHCN ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

5. Việc tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ trên môi trường mạng thực hiện theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 18b. Quản lý và sử dụng tài khoản truy nhập Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm quản lý và

cấp tài khoản truy nhập vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ cho các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ tại bộ, ngành, địa phương.

2. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ tại bộ, ngành, địa phương được cấp tài khoản gửi yêu cầu đến Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia đề nghị hỗ trợ cấp mới hoặc cấp lại tài khoản truy nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ tại bộ, ngành, địa phương sử dụng tài khoản được cấp để cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư này.

4. Tài khoản truy nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Có văn bản yêu cầu khóa tài khoản từ các tổ chức sở hữu tài khoản;
- b) Khi tài khoản bị nghi ngờ gây mất an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu hoặc bảo mật hệ thống;
- c) Tổ chức sở hữu tài khoản đưa các thông tin sai lệch lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26 như sau:

“b) Xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ, đơn vị quản lý kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thu thập, cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Thực hiện các biện pháp quản lý quyền truy nhập và cập nhật các thông tin thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và hạ tầng kỹ thuật thông tin.”.

13. Bãi bỏ khoản 3 Điều 5, Điều 21 Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, TTKHCN.

Thư *le* *face*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Xuân Định



Phụ lục

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. **Mẫu 1.** Phiếu thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước
2. **Mẫu 5.** Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
3. **Mẫu 9.** Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
4. **Mẫu 12.** Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC GIAO CHỦ TRÌ
KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ⁽¹⁾
TÊN TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

(Nếu nhiệm vụ có mang nội dung
bí mật nhà nước, đóng dấu xác định độ mật
của nhiệm vụ tại đây)

PHIẾU THÔNG TIN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1	Tên nhiệm vụ:			
2	Cấp quản lý nhiệm vụ: <input type="checkbox"/> Quốc gia <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở			
3	Mức độ bảo mật: <input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Mật <input type="checkbox"/> Tối mật <input type="checkbox"/> Tuyệt mật			
4	Mã số nhiệm vụ (nếu có):			
5	Tên tổ chức chủ trì: Họ và tên thủ trưởng: Địa chỉ: Tỉnh/thành phố: Điện thoại: Fax: Website:			
6	Cơ quan chủ quản:			
7	Chủ nhiệm nhiệm vụ Họ và tên: Giới tính: Số căn cước công dân/Hộ chiếu ⁽³⁾ : Học hàm, học vị ⁽⁴⁾ : Chức danh nghề nghiệp ⁽⁵⁾ : Chức vụ: Điện thoại: Fax: E-mail:			

⁽¹⁾ Ghi tên bộ chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản của tổ chức được giao ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

⁽²⁾ Ghi tên tổ chức được giao ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ..

⁽³⁾ Số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu đối với cán bộ không phải công dân Việt Nam.

⁽⁴⁾ Học hàm: Giáo sư, Phó Giáo sư. Học vị: Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư, Cử nhân, Bác sỹ...

⁽⁵⁾ Chức danh nghề nghiệp bao gồm: Chức danh nghiên cứu khoa học và chức danh công nghệ.

8	Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ ⁽⁶⁾ :
9	Mục tiêu nghiên cứu:
10	Tóm tắt nội dung nghiên cứu chính:
11	Lĩnh vực nghiên cứu ⁽⁷⁾ :
12	Mục tiêu kinh tế-xã hội của nhiệm vụ ⁽⁸⁾ :
13	Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến:
14	Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến:
15	Thời gian thực hiện:.....tháng (từ.....đến.....)
16	Kinh phí được phê duyệt: triệu đồng trong đó: - Từ Ngân sách nhà nước: - Từ nguồn tự có của tổ chức: - Từ nguồn khác:
17	Quyết định phê duyệt: số..... ngày... tháng năm ...
18	Hợp đồng thực hiện: số ngày... tháng năm ...

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC GIAO KÝ
HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO CHỦ TRÌ KÝ HỢP
ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI GHI THÔNG TIN

(Ký và ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Ghi họ tên, học hàm, học vị và chức danh nghề nghiệp của cá nhân thực hiện nội dung chính/nội dung nghiên cứu thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN

⁽⁷⁾ Ghi mã số và tên lĩnh vực được quy định trong Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

⁽⁸⁾ Ghi mã số và tên lĩnh vực được quy định trong Bảng phân loại mục tiêu kinh tế-xã hội của nghiên cứu do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ⁽⁹⁾
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ⁽¹⁰⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

(Đối với nhiệm vụ có mang nội dung bí mật
nhà nước, đóng dấu xác định độ mật của
nhiệm vụ tại đây)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Tên nhiệm vụ ⁽¹¹⁾ :	
2. Cấp quản lý nhiệm vụ: <input type="checkbox"/> Quốc gia <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở	
3. Mức độ bảo mật: <input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Mật <input type="checkbox"/> Tối mật <input type="checkbox"/> Tuyệt mật	
4. Mã số nhiệm vụ (nếu có):	
5. Thuộc chương trình/đề tài/dự án (nếu có): Mã số chương trình/đề tài/dự án (nếu có):	
6. Lĩnh vực nghiên cứu:	
7. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Địa chỉ: Điện thoại: Website: Email:	
8. Cơ quan cấp trên trực tiếp của tổ chức chủ trì:	
9. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì:	
10. Cơ quan cấp kinh phí:	
11. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Họ và tên: Giới tính: Số căn cước công dân/Hộ chiếu ⁽¹²⁾ : Học hàm, học vị ⁽¹³⁾ : Chức danh nghề nghiệp⁽¹⁴⁾: Điện thoại: E-mail:	

⁽⁹⁾ Ghi tên bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

⁽¹⁰⁾ Ghi tên đầy đủ của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

⁽¹¹⁾ Ghi đúng như tên nhiệm vụ được ghi trong quyết định phê duyệt hoặc hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

⁽¹²⁾ Số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu đối với cán bộ không phải công dân Việt Nam.

⁽¹³⁾ Học hàm: Giáo sư, Phó Giáo sư. Học vị: Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư, Cử nhân, Bác sĩ...

⁽¹⁴⁾ Chức danh nghề nghiệp bao gồm: Chức danh nghiên cứu khoa học và chức danh công nghệ.

12. Tổng kinh phí (triệu đồng): Bằng chữ: <i>Trong đó, từ ngân sách Nhà nước (triệu đồng):</i>
13. Thời gian thực hiện: tháng, (bắt đầu từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
14. Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ (ghi họ tên, chức danh khoa học và học vị) ⁽¹⁵⁾
15. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức được thành lập theo Quyết định số..... ngày.... tháng ... năm của ⁽¹⁶⁾
16. Họp nghiệm thu chính thức ngày ... tháng ... năm tại:.....
17. Hồ sơ giao nộp (ghi số lượng cụ thể): 17.1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử). 17.2. Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử). 17.3. Dữ liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (bao gồm mã nguồn và dữ liệu) (nếu có) 17.4. Biên bản họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản giấy hoặc bản điện tử). 17.5. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các thành viên về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có, bản giấy hoặc bản điện tử). 17.6. Tài liệu khác (nếu có)
18. Ngày tháng năm đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
Tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ.

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ**

(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(Ký và ghi rõ họ tên)

⁽¹⁵⁾ Ghi đúng theo thứ tự trong văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có) hoặc theo thứ tự do chủ nhiệm nhiệm vụ quy định.

⁽¹⁶⁾ Ghi tên cơ quan ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu.

TÊN BỘ, NGÀNH/TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ
TRẢ KẾT QUẢ

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
2.	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
3.	Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
4.	Dữ liệu điều tra, khảo sát (nếu có)	
5.	Bản đồ (nếu có)	
6.	Bản vẽ (nếu có)	
7.	Ảnh (nếu có)	
8.	Tài liệu đa phương tiện (nếu có)	
9.	Phần mềm và dữ liệu (nếu có)	
10.	Tài liệu khác (nếu có)	
11.	Phiếu mô tả công nghệ (Mẫu 8) (nếu có)	
12.	Biên bản họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
13.	Xác nhận về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có)	
14.	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về sự thay đổi cá nhân tham gia nhiệm vụ (nếu có)	
15.	Văn bản xác nhận nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có)	
16.	Văn bản xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền (đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước)	

Số lượng hồ sơ:.....(bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là:ngày

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ...., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số:.....Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 bản; một bản giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một bản chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (hoặc trụ sở của tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ⁽¹⁷⁾
TÊN TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT QUẢ
ỨNG DỤNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ⁽¹⁸⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

Báo cáo lần thứ:

Năm báo cáo:

PHIẾU THÔNG TIN
VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

(Áp dụng cho tất cả loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ)

- 1.1. Tên nhiệm vụ:
- 1.2. Loại hình nhiệm vụ *(đánh dấu vào mục phù hợp)*:
- Đề tài khoa học và công nghệ Đề án khoa học
- Dự án SXTN Dự án khoa học và công nghệ
- 1.3. Cấp quản lý nhiệm vụ: Quốc gia Bộ Tỉnh Cơ sở
- 1.4. Mã số nhiệm vụ:
- 1.5. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ/Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả:
- 1.6. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ:
- 1.7. Ngày được nghiệm thu, đánh giá chính thức: ngày ... tháng ... năm.....
- 1.8. Giấy đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số:
- Ngày cấp: Cơ quan cấp:
- 1.9. Bộ/Ngành/UBND tỉnh chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
- 1.10. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
(Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả của nhiệm vụ: đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyển giao công nghệ không).....
- 1.11. Nêu hiệu quả kinh tế (nếu có), tác động kinh tế-xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v.. mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (nếu có):

⁽¹⁷⁾ Ghi tên bộ chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản của cơ quan cấp đăng ký tại bộ, ngành hoặc địa phương.

⁽¹⁸⁾ Ghi tên đầy đủ của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

.....
 1.12. Địa chỉ ứng dụng:

.....
 1.13. Thời gian ứng dụng (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)

II. PHÂN THÔNG TIN THEO LOẠI HÌNH NHIỆM VỤ

(Lựa chọn nội dung của phần thứ hai tùy theo loại hình nhiệm vụ)

• **Áp dụng đối với Đề tài khoa học và công nghệ**

2.1. Kết quả của đề tài được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp)

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khoa học tự nhiên | <input type="checkbox"/> Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Khoa học nông nghiệp | <input type="checkbox"/> Khoa học y-dược |
| <input type="checkbox"/> Khoa học xã hội | <input type="checkbox"/> Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có được sử dụng để giải quyết vấn đề thực tế, là cơ sở để đề xuất những nội dung nghiên cứu hoặc những vấn đề mới?:

- Cơ sở để xây dựng Dự án SXTN Phát triển công nghệ mới
 Cơ sở để hình thành Đề án KH Được ứng dụng giải quyết vấn đề thực tế
 Hình thức khác:

2.3. Số lượng công bố khoa học, văn bản sở hữu công nghiệp có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.3.1. Số lượng công bố trong nước:

2.3.2. Số lượng công bố quốc tế:

2.4. Từ ứng dụng kết quả của đề tài, có hình thành yêu cầu bảo hộ sở hữu công nghiệp không? *(đơn yêu cầu bảo hộ; bằng bảo hộ được cấp,...):*

.....
 2.5. Việc ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có góp phần vào đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ không? *(cho biết số Tiến sỹ, Thạc sỹ sử dụng kết quả của đề tài cho nội dung luận án, luận văn của mình, nếu có):*

• **Áp dụng đối với Đề án khoa học**

2.1. Kết quả của đề án được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp):

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khoa học tự nhiên | <input type="checkbox"/> Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Khoa học nông nghiệp | <input type="checkbox"/> Khoa học y-dược |
| <input type="checkbox"/> Khoa học xã hội | <input type="checkbox"/> Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề án khoa học được sử dụng để hình thành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nào? *(có thể nêu cụ thể những quyết định, văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn do đề án nghiên cứu được):*.....

• **Áp dụng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm**

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng *(có áp dụng thêm hoặc chuyển giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không?*):

.....
 2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:

.....
 2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án:

